

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 209/2020/DS-PT

Ngày: 29 – 9 – 2020.

V/v: Tranh chấp dân sự “đòi lại
tài sản, yêu cầu tuyên bố hợp
đồng CNQSD đất vô hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;
Ông Trần Quốc Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23, 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLDS-PT, ngày 19 tháng 5 năm 2020, về: “Tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2020/QĐ-PTDS ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh P, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số X, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đ G, quận Ngô Quyền, Th phố Hải Phòng; tạm trú tại: Ô, hẻm Y, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đắc Th, sinh năm 1974; thường trú tại: Số N, Đình Bộ Lĩnh, phường K, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp Đ T, xã H M, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Lê Thị M, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp Đ T, xã H M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện hợp pháp cho anh Th, chị M: Anh Trần Văn Duẩn, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 116/42/9B, đường Huỳnh Tấn Phát, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Th Phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 14-11-2019, giao nộp ngày 12-3-2020); có mặt.

3.2. Anh Võ Văn C, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: ấp Z, xã Đ H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C:

- Luật sư Phạm Đức Hùng, công tác tại Công ty luật hợp doanh Mê Kông, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An; có mặt.

- Luật sư Trương Thị Hòa công tác tại Văn phòng Luật sư Trương Thị Hòa, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt ngày 23-9-2020, có đơn đề nghị vắng mặt ngày 29-9-2020.

4. *Người kháng cáo:*

- Anh Nguyễn Đắc Th - bị đơn.

- Anh Võ Văn C - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-9-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ánh P, trình bày:

Vào tháng 12-2017, bà và vợ chồng anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M có thỏa thuận mua bán tài sản tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh gồm:

- Trường MN với giá 15.000.000.000 (mười lăm tỷ đồng);

- 01 căn nhà ở với giá 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng;

- Khách sạn ĐT với giá 13.500.000.000 (mười ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Tổng cộng 31.000.000.000 đồng. Bà đã thanh toán tiền cho anh Th, chị M 21.000.000.000 đồng, anh Th, chị M đã chuyển quyền về tài sản sang tên bà.

Đến khoảng tháng 02-2018, do bà không có nhu cầu kinh doanh khách sạn, nên vợ chồng anh Th yêu cầu bà giao lại khách sạn ĐT cho vợ chồng anh Th, bà đồng ý hủy việc mua bán khách sạn ĐT với vợ chồng anh Th. Ngày 30-02-2018, bà và anh Th có tính toán lại số tiền mà bà đã thanh toán cho vợ chồng anh Th là 21.000.000.000 đồng, trừ trị giá Khách sạn ĐT 13.500.000.000 đồng, anh Th còn nợ lại bà số tiền khoảng 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu) đồng. Trong số tiền này anh Th tự nguyện trả lãi suất cho bà 02%/tháng.

Đến khoảng tháng 8-2018, do giấy tờ nhà đất anh Th thế chấp tại Ngân hàng Eximbank nên bà có trả nợ Ngân hàng thay cho anh Th số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng gồm: Nợ gốc, lãi suất, chi phí đi lại và thuế thu nhập cá nhân của anh Th để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà mà bà đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh Th để thực hiện thủ tục chuyển quyền sang tên cho bà, nhưng bà chỉ tính tròn là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngày 14-11-2018, bà và vợ chồng anh Th chốt lại số nợ gồm:

- + Nợ mua tài sản trả dư 3.500.000.000 đồng;
- + Trả nợ Ngân hàng thay 1.100.000.000 đồng;
- + Tiền lãi 05 tháng 350.000.000 đồng;
- + Trả tiền anh Th nợ lương giáo viên 200.000.000 đồng.

Tổng cộng là 5.150.000.000 đồng nhưng bà chỉ nhận số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng nên anh Th có ghi giấy nhận nợ số tiền trên giao cho bà. Trong số nợ này anh Th đã trả cho bà được 1.300.000.000 (một tỷ, ba trăm triệu) đồng, còn nợ bà 3.700.000.000 đồng. Trong quá trình điều hành hoạt động Trường MN, bà phát hiện anh Th có vay nợ thẻ tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Dầu số tiền 176.607.558 đồng và tiền lãi phát sinh 38.853.662 đồng, tổng cộng hai khoản với số tiền 215.461.220 đồng, bà đã báo cho anh Th và đã trả thay cho anh Th số tiền trên, nhưng bà chỉ tính tròn là 200.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền vợ chồng anh Th còn nợ bà là 3.900.000.000 (ba tỷ chín trăm triệu) đồng, bà có gặp anh Th đòi số tiền này, anh Th hẹn nhiều lần nhưng đến nay không trả.

Vào ngày 10-9-2019, bà phát hiện vợ chồng anh Th, chị M lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 36.368,3 m², tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh cho anh Võ Văn C nhằm tẩu tán tài sản, không trả nợ cho bà và hiện nay anh Th, chị M không còn tài sản nào khác.

Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Th, chị M phải trả cho bà số tiền còn nợ 3.900.000.000 (ba tỷ chín trăm triệu) đồng, lãi suất tính từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nhưng tại phiên tòa bà không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Th, chị M và anh C ngày 10-9-2019 vô hiệu. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Đắc Th, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Th và người đại diện theo ủy quyền của anh Th, chị M là anh Lê Văn Duẩn trình bày:

Anh Th, chị M thừa nhận vào ngày 14-11-2018 có ký giấy nhận nợ bà P số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng, đã trả cho bà P được số tiền 1.300.000.000 (một tỷ, ba trăm triệu) đồng, còn nợ lại bà P 3.700.000.000 đồng. Trong số tiền 5.000.000.000 đồng này có 1.000.000.000 đồng là tiền lãi, còn lại 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng là tiền bà P đặt cọc mua tài sản của anh nhưng cuối cùng bà P không mua. Anh thừa nhận ngày 10-9-2019 vợ chồng anh Th, chị M có lập hợp đồng chuyển nhượng cho anh Võ Văn C toàn bộ các phần đất mà anh Th, chị M đứng tên tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, với giá 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, hiện anh C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chỉnh lý tại trang 3 và trang 4 ngày 25-10-2019.

Nay anh Th, chị M đồng ý trả cho bà P số tiền 3.700.000.000 đồng, không đồng ý với số tiền 3.900.000.000 đồng và không chấp nhận về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10-9-2019 vô hiệu của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn C trình bày:

Vào ngày 10-9-2019 anh có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Th, chị M với giá trị ghi trên hợp đồng là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, hiện anh đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chỉnh lý tại trang 3 và trang 4 ngày 25-10-2019 như lời trình bày của anh Th là đúng.

Nay anh không đồng ý tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10-9-2019 vô hiệu theo yêu cầu của bà P.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, khoản 2 Điều 124, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh P đối với anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M về việc “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Buộc anh Th, chị M phải trả lại cho bà P số tiền 3.900.000.000 (ba tỷ chín trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi suất.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M và anh Võ Văn C ngày 10-9-2019, đối với phần đất diện tích thực tế 36.368,3 m² là vô hiệu.

Anh Th, chị M được quyền sử dụng phần đất diện tích 36.368,3m² tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Ghi nhận anh C không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ về thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18-3-2020, anh C kháng cáo không chấp nhận tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M và anh vô hiệu theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

Ngày 27-3-2020, anh Th kháng cáo không chấp nhận tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh, chị Lê Thị M và anh Võ Văn C vô hiệu theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà P, anh Th, người đại diện chị M, anh C thỏa thuận với nhau các vấn đề sau:

+ Bà P, anh Th, chị M thống nhất về số nợ vợ chồng anh Th phải trả bà P là 3.825.000.000 (ba tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

+ Anh C tự nguyện trả thay anh Th, chị M số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ) đồng trong số nợ 3.825.000.000 đồng mà anh Th, chị M nợ bà P, số tiền còn lại 825.000.000 đồng anh Th, chị M phải có nghĩa vụ trả cho bà P.

+ Bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Th, chị M với anh C ngày 10-9-2019, đối với các phần đất có tổng diện tích thực tế 36.368,3 m² thuộc các thửa số 132, 75, 76, 88, 98, 99, 100, 128, 138, 142, 50, 51, 52, 16, 145, 37, 78, 133, 31, 36, 160, 161, tờ bản đồ số 52, do anh C đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý tại trang ba, trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-10-2019, tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vô hiệu.

+ Anh Th, anh Duẩn (đại diện chị M) và anh C đồng ý việc rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Th, chị M với anh C của bà P.

Luật sư Phạm Đức Hùng trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật đối với thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật về thỏa thuận của các đương sự và xem xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của anh Nguyễn Đắc Th, anh Võ Văn C, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Đắc Th, anh Võ Văn C làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về số nợ vợ chồng anh Th phải trả bà P là 3.825.000.000 đồng. Anh C tự nguyện trả thay anh Th, chị M số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng trong số nợ 3.825.000.000 đồng mà anh Th, chị M nợ bà P (đã giao nhận xong tại phiên tòa phúc thẩm), số tiền còn lại 825.000.000 đồng anh Th, chị M phải có nghĩa vụ trả cho bà P. Nhận thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

- Bà P (nguyên đơn) rút yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Th, chị M với anh C ngày 10-9-2019, đối với các phần đất có tổng diện tích thực tế 36.368,3 m² thuộc các thửa số 132, 75, 76, 88, 98, 99, 100, 128, 138, 142, 50, 51, 52, 16, 145, 37, 78, 133, 31, 36, 160, 161, tờ bản đồ số 52, do anh C đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý tại trang ba, trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-10-2019, tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vô hiệu và được

anh Th, đại diện chị M, anh C đồng ý việc rút yêu cầu này của nguyên đơn. Nhận thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, căn cứ Điều 299, 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy một phần bản án sơ thẩm phần tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M và anh Võ Văn C ngày 10-9-2019 vô hiệu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Th, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/QH, cụ thể như sau: Số tiền phải trả cho chị P là 3.825.000.000đ; án phí phải chịu 72.000.000 đồng + (1.825.000.000đ x 2%)= 108.500.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

[4] Án phí phúc thẩm: Anh Th, anh C mỗi người phải chịu 50% án phí P thẩm là 150.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/QH.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Nhận thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 299, 300 khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Nguyễn Ánh P, anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M và anh Võ Văn C về việc: Tranh chấp dân sự về “đòi lại tài sản”;

Anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà P số tiền 3.825.000.000 (ba tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận anh Võ Văn C tự nguyện trả thay anh Th, chị M số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng trong số nợ 3.825.000.000 đồng mà anh Th, chị M nợ bà P (đã giao nhận xong tại phiên tòa

phúc thẩm), số tiền còn lại 825.000.000 (tám trăm hai mươi lăm triệu) đồng anh Th, chị M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bà P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Th, chị M không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Th, chị M còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Hủy một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, về yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M và anh Võ Văn C ngày 10-9-2019 vô hiệu và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M và anh Võ Văn C ngày 10-9-2019, đối với phần đất diện tích thực tế 36.368,3 m² thuộc các thửa số 132, 75, 76, 88, 98, 99, 100, 128, 138, 142, 50, 51, 52, 16, 145, 37, 78, 133, 31, 36, 160, 161, tờ bản đồ số 52, do anh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý tại trang ba, trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-10-2019, tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vô hiệu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đắc Th, chị Lê Thị M phải chịu 108.800.000 (một trăm lẻ tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ánh P số tiền 55.300.000 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0009699 ngày 24-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự P thẩm:

- Anh Nguyễn Đắc Th phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh Th đã nộp theo Biên lai thu số: 0000298 ngày 27 tháng 4 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu; hoàn trả anh Th số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Anh Võ Văn C phải chịu số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh C đã nộp theo Biên lai thu số: 0000258 ngày 23 tháng 3 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. hoàn trả anh C số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm